

STT	Tên TSCĐ	Giá trị sổ sách				Giá trị thực tế			Chênh lệch	
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại	Nguyên giá xác định lại	Tỷ lệ CLCL (%)	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6	7	8=5-1	9=7-3
9	Ghế xoay					505.000	35%	176.750	505.000	176.750
10	Ghế gỗ tựa					6.300.000	35%	2.205.000	6.300.000	2.205.000
11	Điện thoại bàn					299.000	35%	104.650	299.000	104.650
XIII	Đội Xe chuyên dùng và Cơ khí									
1	Máy vi tính					7.320.000	35%	2.562.000	7.320.000	2.562.000
2	Điện thoại bàn Uniden					299.000	45%	134.550	299.000	134.550
3	Máy in Canon LBP 2900					2.720.000	45%	1.224.000	2.720.000	1.224.000
4	Tủ sắt Hòa Phát					4.580.000	35%	1.603.000	4.580.000	1.603.000
5	Ghế gỗ					2.700.000	35%	945.000	2.700.000	945.000
6	Bàn gỗ ép màu ghi					1.000.000	30%	300.000	1.000.000	300.000
7	Quạt treo tường					540.000	35%	189.000	540.000	189.000
8	Bàn gỗ					800.000	30%	240.000	800.000	240.000
9	Bàn Meca					221.000	30%	66.300	221.000	66.300
XIV	Đội Duy trì Bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng công cộng									
1	Máy điều hòa Nagakawa 1HP					4.750.000	55%	2.612.500	4.750.000	2.612.500
2	Bàn gỗ ép					3.000.000	35%	1.050.000	3.000.000	1.050.000
3	Tủ sắt					2.290.000	35%	801.500	2.290.000	801.500
4	Ghế gỗ					4.050.000	35%	1.417.500	4.050.000	1.417.500
5	Quạt treo tường					540.000	35%	189.000	540.000	189.000
6	Điện thoại bàn					299.000	35%	104.650	299.000	104.650
7	Bàn Meca					221.000	30%	66.300	221.000	66.300
8	Tủ gỗ					1.500.000	45%	675.000	1.500.000	675.000
9	Bàn gỗ					800.000	30%	240.000	800.000	240.000
10	Ghế gỗ					6.750.000	35%	2.362.500	6.750.000	2.362.500
C2	Nhóm TSCĐ và MMTB Chuyên môn	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Tên TSCĐ	Giá trị sổ sách				Giá trị thực tế			Chênh lệch	
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại	Nguyên giá xác định lại	Tỷ lệ CLCL (%)	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6	7	8=5-1	9=7-3
I	Phòng KCS&NCTBM									
1	Khoan tay CROWN					1.500.000	35%	525.000	1.500.000	525.000
2	Hioki 3286-20 - Đo công suất					11.000.000	45%	4.950.000	11.000.000	4.950.000
3	Fluke 317 - Đo dòng DC					3.800.000	45%	1.710.000	3.800.000	1.710.000
4	Kyorizsu - Đo dòng rò					5.000.000	45%	2.250.000	5.000.000	2.250.000
5	SANWA CD800 - Đo điện áp (hiện số)					650.000	45%	292.500	650.000	292.500
6	Máy hàn LUKEY902					1.000.000	35%	350.000	1.000.000	350.000
7	Mỏ hàn NO.907					278.000	35%	97.300	278.000	97.300
8	Tủ gỗ					1.000.000	35%	350.000	1.000.000	350.000
9	Máy biến áp tự ngẫu					1.000.000	35%	350.000	1.000.000	350.000
II	Đội Xe chuyên dùng và Cơ khí									
1	Máy hàn điện					15.000.000	35%	5.250.000	15.000.000	5.250.000
2	Máy đột					13.900.000	30%	4.170.000	13.900.000	4.170.000
3	Máy cắt					4.000.000	30%	1.200.000	4.000.000	1.200.000
4	Máy mài lớn					5.000.000	35%	1.750.000	5.000.000	1.750.000
5	Máy mài nhỏ					800.000	35%	280.000	800.000	280.000
6	Lò nướng					2.160.000	35%	756.000	2.160.000	756.000
7	Bàn uốn thủ công + kích nâng					1.400.000	45%	630.000	1.400.000	630.000
8	Máy nén khí loại nhỏ					1.350.000	35%	472.500	1.350.000	472.500
9	Tủ đựng đồ nghề					500.000	45%	225.000	500.000	225.000
10	Quạt công nghiệp					1.320.000	45%	594.000	1.320.000	594.000
III	Đội QLVH điện chiếu sáng số 01									
1	Đồng hồ đo hiệu Kyorizsu					34.200.000	55%	18.810.000	34.200.000	18.810.000
2	Máy đo tiếp địa					3.900.000	55%	2.145.000	3.900.000	2.145.000
3	Thước lăn					6.300.000	55%	3.465.000	6.300.000	3.465.000

98

44

STT	Tên TSCĐ	Giá trị sổ sách				Giá trị thực tế			Chênh lệch	
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại	Nguyên giá xác định lại	Tỷ lệ CLCL (%)	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6	7	8=5-1	9=7-3
IV	Đội QLVH điện chiếu sáng số 02							-		-
1	Đồng hồ đo hiệu Kyorizsu					37.050.000	55%	20.377.500	37.050.000	20.377.500
2	Thước lặn					6.300.000	55%	3.465.000	6.300.000	3.465.000
V	Đội QLVH điện chiếu sáng số 03							-		-
1	Máy đo tiếp địa Kyorizsu					3.900.000	55%	2.145.000	3.900.000	2.145.000
2	Đồng hồ đo hiệu Kyorizsu					31.350.000	55%	17.242.500	31.350.000	17.242.500
3	Thước lặn					6.300.000	55%	3.465.000	6.300.000	3.465.000
VI	Phòng Kỹ thuật An toàn Kiểm tra và giám sát ĐCSCC							-		-
1	Máy đo tiếp địa Kyorizsu, Model 4105A					3.900.000	55%	2.145.000	3.900.000	2.145.000
2	Đồng hồ đo hiệu Kyorizsu					2.850.000	55%	1.567.500	2.850.000	1.567.500
VII	Đội QLVH ĐCS số 04							-		-
1	Đồng hồ đo hiệu Kyorizsu					19.950.000	55%	10.972.500	19.950.000	10.972.500
2	Thước lặn					4.200.000	55%	2.310.000	4.200.000	2.310.000
3	Máy đo tiếp địa					3.900.000	55%	2.145.000	3.900.000	2.145.000
VIII	Đội QLVH điện trang trí							-		-
1	Đồng hồ đo hiệu Kyorizsu					17.100.000	55%	9.405.000	17.100.000	9.405.000
2	Thước lặn					4.200.000	55%	2.310.000	4.200.000	2.310.000
IX	Đội trang trí + đội số 2							-		-
1	Bàn gỗ					1.600.000	30%	480.000	1.600.000	480.000
2	ghế gỗ					3.150.000	35%	1.102.500	3.150.000	1.102.500
3	ghế xoay					505.000	35%	176.750	505.000	176.750
4	điện thoại bàn					299.000	35%	104.650	299.000	104.650
5	Điều hoà (phòng an toàn giữ lại)					4.750.000	45%	2.137.500	4.750.000	2.137.500
		0	0	0	0	1.423.688.683		662.161.662	1.423.688.683	662.161.662

56

10/11

BẢNG KÊ CÁC KHOẢN PHẢI THU
CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÀ NẴNG
 Tại thời điểm 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

ST T	Tên khách hàng	Theo sổ sách	Xác định lại	Chênh lệch	Ghi chú
A	B	1	2	3=2-1	4
I	PHẢI THU KHÁCH HÀNG	13.761.010.326	13.761.010.326	0	
1	Phải thu sửa chữa các trụ đèn hư hỏng do sự cố xe tông	149.741.326	149.741.326	0	Đã đối chiếu
1.1	Công ty Bảo hiểm hàng không Đà Nẵng	28.927.800	28.927.800	0	Đã đối chiếu
1.2	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đà Nẵng	37.132.700	37.132.700	0	Đã đối chiếu
1.3	Công ty cổ phần Vinaconex 25	19.960.600	19.960.600	0	Đã đối chiếu
1.4	Công ty cổ phần bảo hiểm Bảo Long	14.495.000	14.495.000	0	Đã đối chiếu
1.5	Công ty Bảo Việt Đà Nẵng	49.814.386	49.814.386	0	Đã đối chiếu
1.6	Công ty Bảo Việt Quảng Nam	-589.160	-589.160	0	Đã đối chiếu
2	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Công trình tổ chức khu phố chuyên đường Lê Duẩn	61.011.000	61.011.000	0	Đã đối chiếu
3	Công ty TNHH BT Ngã Ba Huế Trung Nam	287.472.000	287.472.000	0	Đã đối chiếu
4	Sở Xây dựng TP Đà Nẵng - Công trình Lắp đặt ĐCS phục vụ cuộc thi trình diễn pháo hoa Quốc tế Đà Nẵng 2015	94.854.000	94.854.000	0	Đã đối chiếu
5	Phải thu Ngân sách nhà nước theo đơn đặt hàng (Sở Xây dựng TP Đà Nẵng)	11.401.920.000	11.401.920.000	0	Đã đối chiếu
6	Sở Xây dựng TP Đà Nẵng - Công trình Khắc phục thiệt hại ĐCS công cộng do bão số 4 năm 2016 gây ra	40.056.000	40.056.000	0	Đã đối chiếu
7	Sở Xây dựng TP Đà Nẵng - Công trình Khắc phục sự cố MBA và lắp đặt bổ sung ĐCS trên địa bàn TP ĐN năm 2016 (Sự cố MBA và lắp đặt bổ sung từ T7/2015 đến T4/2016)	299.211.000	299.211.000	0	Đã đối chiếu
8	Sở Xây dựng TP Đà Nẵng - Công trình Lắp đặt bổ sung ĐCSCC trên địa bàn TPĐN năm 2016 (Từ T5/2016 đến T8/2016)	44.373.000	44.373.000	0	Đã đối chiếu
9	Sở Xây dựng TP Đà Nẵng - Công trình khắc phục sự cố hệ thống ĐCS công cộng trên địa bàn TPĐN năm 2016 (từ T9/2016 đến T11/2016)	364.548.000	364.548.000	0	Đã đối chiếu
10	Sở Xây dựng TP Đà Nẵng - Công trình Lắp đặt ĐCS phục vụ các hoạt động, tổ chức sự kiện các ngày lễ lớn trong năm 2017 (pháo hoa 2017)	8.486.000	8.486.000	0	Đã đối chiếu



ST T	Tên khách hàng	Theo sổ sách	Xác định lại	Chênh lệch	Ghi chú
A	B	1	2	3=2-1	4
11	Sở Xây dựng TP Đà Nẵng - Công trình Khắc phục sự cố hệ thống ĐCS công cộng trên địa bàn TPĐN năm 2016 (từ T5/2016 đến T8/2016)	41.710.000	41.710.000	0	Đã đối chiếu
12	Sở Xây dựng TP Đà Nẵng - Công trình Lắp đặt bổ sung ĐCS công cộng trên địa bàn TP năm 2017	225.363.000	225.363.000	0	Đã đối chiếu
13	Sở Xây dựng TP Đà Nẵng - Công trình Khắc phục sự cố chạm chập cáp ngầm trên địa bàn TPĐN năm 2017	42.146.000	42.146.000	0	Đã đối chiếu
14	Sở Giáo dục TP Đà Nẵng - Công trình Lắp đặt đèn chiếu sáng trong khuôn viên các trường học trên địa bàn quận Hải Châu TP Đà Nẵng	406.476.000	406.476.000	0	Đã đối chiếu
15	Sở Xây dựng - Công trình Đầu tư ĐCS tuyến đường Quán Khái 4 thuộc khu phố chợ Hòa Hải	2.813.000	2.813.000	0	Đã đối chiếu
16	BQL dự án đầu tư xây dựng hạ tầng và phát triển đô thị - Công trình ĐCS khuôn viên trường THPT Phan Châu Trinh (cơ sở Lê Lợi)	25.728.000	25.728.000	0	Đã đối chiếu
17	Sở Giáo dục và đào tạo thành phố Đà Nẵng - Công trình Lắp đặt đèn chiếu sáng trong khuôn viên các trường học trên địa bàn quận Thanh Khê TP Đà Nẵng	265.102.000	265.102.000	0	Đã đối chiếu
II	TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN	37.911.000	37.911.000	0	
1	Nguyễn Thị Kim Quy	35.250.000	35.250.000		Đã đối chiếu
2	VietNam Scherder	1.038.000	1.038.000	0	Chưa đối chiếu
3	Công ty TNHH Kỹ Thuật Tân Quang	1.623.000	1.623.000	0	Đã đối chiếu
III	CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC	198.850.398	198.850.398	0	
A	Tạm ứng	62.843.800	62.843.800	0	
1	Nguyễn Chánh Thư	30.323.800	30.323.800	0	Đã đối chiếu
2	Dương Ngọc Thời	1.520.000	1.520.000	0	Đã đối chiếu
3	Nguyễn Hữu Sơn	14.600.000	14.600.000		Đã đối chiếu
4	Nguyễn Anh Quang	11.000.000	11.000.000		Đã đối chiếu
5	Trần Quân	1.900.000	1.900.000		Đã đối chiếu
6	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	500.000	500.000		Đã đối chiếu
7	Võ Thị Cẩm Ly	2.000.000	2.000.000		Đã đối chiếu
8	Đoàn Thị Kim Thoa	1.000.000	1.000.000		Đã đối chiếu
B	Phải thu khác	136.006.598	136.006.598	0	
1	Thuế GTGT chưa kê thuế	444.798	444.798	0	
2	Chi phí cổ phần hóa Công ty	68.100.000	68.100.000	0	Chi tổ giúp việc (Phiếu chi)
3	Phải thu khác	67.461.800	67.461.800		Đã đối chiếu
	Tổng cộng	13.997.771.724	13.997.771.724	0	

mvl

BẢNG KÊ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN
CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÀ NẴNG
 Tại thời điểm 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Tên khách hàng	Theo sổ sách	Xác định lại	Chênh lệch	Ghi chú
A	B	1	2	3=2-1	4
I	VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN	0	0	0	
II	PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	754.059.952	754.059.952	0	
1	Dương Ngọc Thời	4.220.973	4.220.973	0	Đã đối chiếu
2	Nguyễn Chánh Thư	25.124.713	25.124.713	0	Đã đối chiếu
3	Công ty cổ phần thiết bị chiếu sáng DAPULICO	44.179.600	44.179.600	0	Đã đối chiếu
4	Công ty TNHH-SX-TM thiết bị điện Thành Sáng	43.890.000	43.890.000	0	Đã đối chiếu
5	Công ty cổ phần Xây dựng và dịch vụ Long Thạch	147.914.886	147.914.886	0	Đã đối chiếu
6	Công ty TNHH MTV xây dựng & thương mại An Trường Phát	187.743.980	187.743.980	0	Đã đối chiếu
7	Công ty TNHH Danavico	79.530.000	79.530.000	0	Đã đối chiếu Ủy Nhiệm Chi
8	Công ty cổ phần kỹ thuật công nghệ cao Nguyễn Thành Đạt	24.494.000	24.494.000	0	Đã đối chiếu
9	Công ty CPTM Điện tử và quảng cáo Sonet	68.896.000	68.896.000	0	Đã đối chiếu
10	Công ty TNHH XD và TM Tân Mỹ A	24.904.000	24.904.000	0	Đã đối chiếu
11	Công ty CP giải pháp điện tử thông tin (IEC)	35.700.000	35.700.000	0	Đã đối chiếu
12	Giai đoạn 2 - Công ty QLVH điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng.	67.461.800	67.461.800	0	Đã đối chiếu
III	NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC	0	0	0	
IV	THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC	2.239.845.663	2.239.845.663	0	
	Thuế giá trị gia tăng	1.092.621.506	1.092.621.506		Chưa thực hiện kiểm tra Quyết toán
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.144.737.204	1.144.737.204		
	Thuế thu nhập cá nhân	2.486.953	2.486.953		
V	PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG	5.213.474.660	5.213.474.660	0	
	Phải trả người lao động	5.213.474.660	5.213.474.660	0	
VI	CHI PHÍ PHẢI TRẢ	0		0	
VII	CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC	49.617.695	26.857.717	-22.759.978	
1	Bảo hiểm xã hội	0	0	0	
2	Bán hồ sơ mời thầu Nhà làm việc chi nhánh 3 - Ngũ Hành Sơn	5.531.000	0	-5.531.000	

ml

Stt	Tên khách hàng	Theo sổ sách	Xác định lại	Chênh lệch	Ghi chú
A	B	1	2	3=2-1	4
3	Phải trả VAT cho các công trình khoán	4.424.223	4.424.223	0	Chưa đối chiếu
4	Sửa chữa, nâng cấp nhà làm việc 19 Lê Hồng Phong	20.791.000	0	-20.791.000	
5	SC tường rào kho bãi Hòa cầm	2.127.972	0	-2.127.972	
6	Dương Ngọc Thời	16.743.500	16.743.500	0	Đã đối chiếu
7	Phải trả thuế TNDN sau khi hoàn nhập bán hồ sơ mời thầu và sửa chữa nâng cấp nhà làm việc 19 Lê Hồng Phong		5.689.994	5.689.994	
VIII QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI		4.608.122.222	4.625.192.206	17.069.984	
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi và ổn định thu nhập	4.608.122.222	4.608.122.222	0	
2	Phân phối các Quỹ sau khi hoàn nhập Bán hồ sơ mời thầu và Sửa chữa nhà làm việc 19 LHP		17.069.984	17.069.984	
	<i>Quỹ khen thưởng</i>		5.120.995	5.120.995	
	<i>Quỹ phúc lợi</i>		5.120.995	5.120.995	
	<i>Quỹ ổn định thu nhập</i>		1.706.998	1.706.998	
	<i>Thu nhập tăng thêm</i>		5.120.995	5.120.995	
	Tổng cộng:	12.865.120.192	12.859.430.198	-5.689.995	

Ghi chú:

Đối với các khoản Thuế phải nộp nhà nước, Công ty chưa được Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra quyết toán thuế nhưng được xác nhận là không nợ tiền thuế theo số liệu đã kê khai đến thời điểm 31/12/2017 tại Công văn số 4694/CT-KK&KTT ngày 29/11/2018 của Cục thuế thành phố Đà Nẵng, nên Đơn vị tư vấn sử dụng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và số liệu thuế đã kê khai làm cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp.



BẢNG KÊ TIỀN MẶT, TIỀN GỬI NGÂN HÀNG
CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÀ NẴNG
 Tại thời điểm 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Diễn giải	Theo sổ sách kế toán	Số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng xác định lại	Chênh lệch	Ghi chú
A	B	1	2	3=2-1	4
I	Tiền mặt	60.419.591	60.419.591	0	
1	Tiền mặt tồn quỹ	60.419.591	60.419.591	0	Đã đối chiếu
II	Tiền gửi ngân hàng	2.281.355.330	2.281.355.330	0	
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam CN Đà Nẵng	825.963.581	825.963.581		Đã đối chiếu
2	Kho bạc nhà nước	1.455.391.749	1.455.391.749		Đã đối chiếu
	Tổng cộng	2.341.774.921	2.341.774.921	0	

ml



CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH ĐN

Địa chỉ: 426 Hoàng Diệu, P Bình Thuận, Q Hải Châu, TP Đà Nẵng

Điện thoại: (0236) 3889691-3887532. Fax: (0236)3887628

Email: tdgdanang@vnn.vn

**HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ TÀI SẢN
CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN
CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐN
(Tại thời điểm 31/12/2017)**

Đà Nẵng, tháng 12 năm 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH HIỆN TRẠNG NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC
TẠI CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG
ĐÀ NẴNG**

Tại thời điểm 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm 2017

Hôm nay, ngày tháng năm, chúng tôi tiến hành lập Biên bản xác định hiện trạng Nhà cửa, vật kiến trúc trên đất tại Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng, thành phần gồm có:

I. Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ Tài chính Đà Nẵng

- | | |
|----------------------------------|-------------------------|
| 1. Ông (bà): Dương Thị Mỹ Lạng | Chức vụ: Giám đốc |
| 2. Ông (bà): Phan Nguyễn Linh Đa | Chức vụ: Kế toán trưởng |
| 3. Ông (bà): Nguyễn Thanh Long | Chức vụ: Chuyên viên |

II. Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng

- | | |
|---------------------------------|---------------------------------|
| 1. Ông (bà): Nguyễn Đình Hùng | Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách |
| 2. Ông (bà): Đoàn Thị Kim Thoa | Chức vụ: Phụ trách kế toán |
| 3. Ông (bà): <i>Vũ Quốc Huy</i> | Chức vụ: |

Căn cứ kết quả kiểm tra hiện trạng tài sản, kết quả khảo sát giá thị trường do Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ Tài chính Đà Nẵng (Đơn vị tư vấn) thực hiện, các bên thống nhất kết quả đánh giá hiện trạng tài sản như sau:

1. Danh mục tài sản máy móc thiết bị:

Căn cứ Danh mục tài sản Nhà cửa vật kiến trúc trên đất do Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng cung cấp chi tiết được mô tả tại Phiếu đánh giá hiện trạng tài sản đính kèm.

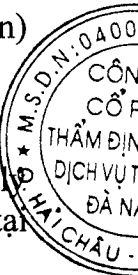
2. Xác định lại nguyên giá tại thời điểm thẩm định:

Nguyên giá tài sản: tham khảo đơn giá xây dựng trên thị trường, suất đầu tư do cơ quan có thẩm quyền quy định tại thời điểm gần nhất với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Trường hợp chưa có quy định thì tính theo giá sổ sách, có xét thêm yếu tố trượt giá trong xây dựng cơ bản.

(Nội dung chi tiết được mô tả tại Phiếu đánh giá hiện trạng tài sản)

3. Đánh giá % chất lượng còn lại của tài sản: theo 02 phương pháp

3.1 Phương pháp tuổi đời: Căn cứ Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 09, Thông tư số 126/2015/TT-BTC ngày 20/8/2015 của Bộ Tài chính về việc Ban hành Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 08, 09 và 10; Đơn vị tư vấn lựa chọn phương pháp tuổi đời để tính toán giá trị hao mòn của tài sản; theo phương pháp tuổi đời ta tính được tuổi đời kinh tế, tuổi đời hiệu quả của tài sản từ đó đánh giá được tỷ lệ hao mòn của tài sản cần thẩm định theo Phiếu đánh giá hiện trạng đính kèm.



3.2 Phương pháp chuyên gia: Sử dụng ý kiến chuyên gia có kinh nghiệm làm việc lâu năm trong lĩnh vực xây dựng và trên cơ sở khảo sát tài sản cần thẩm định giá để đánh giá mức độ hư hỏng, ước tỷ lệ chất lượng còn lại của tài sản thẩm định giá.

4. Giá trị còn lại của tài sản tại thời điểm thẩm định được xác định như sau:



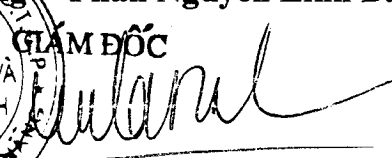
$$\text{Giá trị còn lại của tài sản} = \text{Nguyên giá tại thời điểm thẩm định} \times \% \text{ Chất lượng còn lại}$$

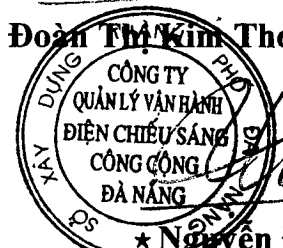
(Nội dung chi tiết được mô tả tại Phiếu đánh giá tài sản)

Trên đây là kết quả đánh giá hiện trạng tài sản tại Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng, các bên cùng nhau thống nhất và ký tên; Biên bản được lập thành bản, mỗi bên giữ bản./.

Đại diện Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ Tài chính Đà Nẵng

Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng


Nguyễn Thanh Long

Phan Nguyễn Linh Đa
GIÁM ĐỐC

Đường Thị Mỹ Lạng


Đoàn Thị Kim Thoa

Nguyễn Đình Hùng




PHIẾU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TÀI SẢN

Thời điểm: 24h00 ngày 31/12/2017

- 1 Tên tài sản: **Nhà kho chứa vật tư ĐCS tại kho bãi Hòa Cẩm**
2 Thời gian đưa vào sử dụng: 2005
3 Giá trị theo sổ sách kế toán:
Nguyên giá: 136.934.322 đồng
Hao mòn lũy kế: 90.154.013 đồng
Giá trị còn lại: 46.780.309 đồng
4 Nguyên giá đánh giá lại = 324.000.000 đồng

Diễn giải	Kết cấu	Diện tích (m2)	Đơn giá thị trường (đồng/m2)	Thành tiền (đồng)
Nhà kho	Tường xây, mái tôn	72	3.000.000	216.000.000
Nhà kho	Mái tôn, bao che tôn	72	1.500.000	108.000.000
Tổng cộng				324.000.000

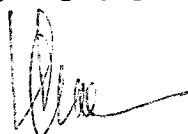
- 5 Tỷ lệ chất lượng còn lại (CLCL): 40%
6 Giá trị còn lại của tài sản = 129.600.000 đồng
7 Bằng chữ: Một trăm hai mươi chín triệu, sáu trăm nghìn đồng

Phân diễn giải:

- 8 Đặc điểm tài sản: 02 Nhà kho khung vì kèo sắt, mái tôn, tường xây gạch + tôn bao che, nền xi măng.
Diện tích xây dựng 02 nhà: 144m²
Tình trạng: Đang sử dụng, qua quá trình sử dụng đã xuống cấp
Thời gian đã sử dụng: 12 năm

- 9 Tính nguyên giá đánh giá lại (tại bảng tính kèm theo)
10 Tính tỷ lệ CLCL (%):
(a) Tuổi đời kinh tế (năm) 20
(b) Tuổi đời thực tế (năm) 12
(c) Tuổi đời hiệu quả (năm) 12
(d) Tỷ lệ hao mòn 60,0%
(d) = (c) / (a) * 100%
(e) Tỷ lệ chất lượng còn lại 40,0%
(e) = 100% - (d)
Vật chất lượng còn lại của tài sản là **40%**

Công ty Quản lý vận hành điện
chiếu sáng công cộng Đà Nẵng


Trần Thị Kim Phoa

Công ty Cổ phần Thẩm định giá
và Dịch vụ tài chính Đà Nẵng
Chuyên viên


Nguyễn Thanh Long



PHIẾU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TÀI SẢN

Thời điểm: 24h00 ngày 31/12/2017

- 1 Tên tài sản: **Mặt bằng tường rào, cổng ngõ, nhà thường trực bảo vệ kho bãi chứa vật tư ĐCS**
- 2 Thời gian đưa vào sử dụng: 2005
- 3 Giá trị theo sổ sách kế toán:
- Nguyên giá: 270.210.607 đồng
- Hao mòn lũy kế: 174.185.399 đồng
- Giá trị còn lại: 96.025.208 đồng
- 4 Nguyên giá đánh giá lại = 326.550.000 đồng

Diễn giải	Kết cấu	Diện tích (m ²)	Đơn giá thị trường (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
Nhà làm việc	Tường xây, mái tôn	34,1	3.000.000	102.300.000
Tường rào, cổng ngõ		195	1.150.000	224.250.000
Tổng cộng				326.550.000

- 5 Tỷ lệ chất lượng còn lại (CLCL): 35%
- 6 Giá trị còn lại của tài sản = 114.292.500 đồng
- 7 Bằng chữ: Một trăm mười bốn triệu, hai trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm đồng

Phân diễn giải:

- 8 Đặc điểm tài sản:
- Nhà làm việc: Tường xây, khung vì kèo thép, mái tôn. Trang thiết bị hoàn thiện trung bình. Diện tích xây dựng 34,1 m²
 - Tường rào, cổng ngõ: xây gạch. chiều dài khoảng 195m

Tình trạng: Đã sử dụng thời gian lâu dài, hiện đã xuống cấp

Thời gian đã sử dụng: 12 năm

- 9 Tính nguyên giá đánh giá lại (tại bảng tính kèm theo)

10 Tính tỷ lệ CLCL (%):

(a) Tuổi đời kinh tế (năm) 20

(b) Tuổi đời thực tế (năm) 12

(c) Tuổi đời hiệu quả (năm) 13

(d) Tỷ lệ hao mòn 65,0%

(d) = (c) / (a) * 100%

(e) Tỷ lệ chất lượng còn lại 35,0%

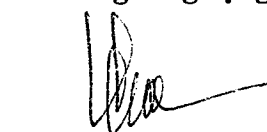
(e) = 100% - (d)

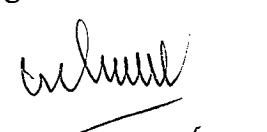
Vật chất lượng còn lại của tài sản là 35%

Qua khảo sát hiện trạng, tư vấn nhận thấy công trình đã xuống cấp, không được bảo dưỡng, nâng cấp, duy tu, sửa chữa đúng cách nên tuổi đời hiệu quả lớn hơn tuổi đời thực tế 01 năm.

Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng

Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ tài chính Đà Nẵng
Chuyên viên


Đoàn Thị Kim Phoa


Vũ Quốc Hùng


Nguyễn Thanh Long

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TÀI SẢN

Thời điểm: 24h00 ngày 31/12/2017

- 1 Tên tài sản: **Nhà làm việc, nhà xưởng và kho bãi chứa vật tư ở P. Hòa Khánh Nam (giai đoạn 1)**
- 2 Thời gian đưa vào sử dụng: 2014
- 3 Giá trị theo sổ sách kế toán: 0,457142857
- Nguyên giá: 3.454.575.000 đồng
- Hao mòn lũy kế: 788.852.201 đồng
- Giá trị còn lại: 2.665.722.799 đồng
- 4 Nguyên giá đánh giá lại = 3.675.035.600 đồng

Diễn giải	Nguyên giá theo sổ sách kế toán	Chỉ số CPI nhà ở Đà Nẵng năm 2017 so với năm 2014	Thành tiền (đồng)
Nhà làm việc, nhà xưởng và kho bãi chứa vật tư ở P. Hòa Khánh Nam (giai đoạn 1)	3.454.575.000	1,064	3.675.035.600
Tổng cộng			3.675.035.600

- 5 Tỷ lệ chất lượng còn lại (CLCL): 85%
- 6 Giá trị còn lại của tài sản = 3.123.780.260 đồng
- 7 Bãng chữ: Hai tỷ, sáu trăm sáu mươi lăm triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm chín mươi chín đồng

Phần diễn giải:

- 8 Đặc điểm tài sản: - Tường rào: Xây gạch; Nhà bảo vệ: Kích thước (2,5x3)m, móng, khung BTCT, cửa nhôm kính; Nhà làm việc - Nhà kho: Kích thước (12x20)m, tường xây gạch, mái tôn, kèo thép. Nền phòng làm việc lát gạch Ceramic, nền nhà kho bê tông; Nhà xưởng: Kích thước (15x28)m, khung BTCT, tường xây gạch, mái tôn, cửa cuốn; Phòng làm việc và khu vệ sinh: Diện tích 40m².

Tình trạng: Đang sử dụng

Thời gian đã sử dụng: 3 năm

- 9 Tính nguyên giá đánh giá lại: tính bằng nguyên giá theo sổ sách kế toán

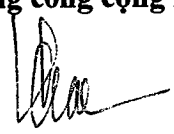
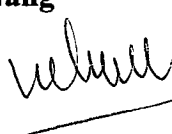
10 Tính tỷ lệ CLCL (%):

- (a) Tuổi đời kinh tế (năm) 20
- (b) Tuổi đời thực tế (năm) 3
- (c) Tuổi đời hiệu quả (năm) 3
- (d) Tỷ lệ hao mòn 15,0%
- (d) = (c) / (a) * 100%
- (e) Tỷ lệ chất lượng còn lại 85,0%
- (e) = 100% - (d)

Vật chất lượng còn lại của tài sản là **85%**

Công ty Quản lý vận hành điện
chiếu sáng công cộng Đà Nẵng

Công ty Cổ phần Thẩm định giá
và Dịch vụ tài chính Đà Nẵng
Chuyên viên



Đoàn Phi Kim Phạm Thị Quý



Nguyễn Thanh Long

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TÀI SẢN


Thời điểm: 24h00 ngày 31/12/2017

- 1 Tên tài sản: **Nhà làm việc, nhà xưởng và kho bãi chứa vật tư Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng (giai đoạn 2)**
- 2 Thời gian đưa vào sử dụng: 2015
- 3 Giá trị theo sổ sách kế toán:
- | | |
|------------------|------------------|
| Nguyên giá: | 824.558.000 đồng |
| Hao mòn lũy kế: | 134.691.549 đồng |
| Giá trị còn lại: | 689.866.451 đồng |
- 4 Nguyên giá đánh giá lại = 824.558.000 đồng
- 5 Tỷ lệ chất lượng còn lại (CLCL): 84%
- 6 Giá trị còn lại của tài sản = 689.866.451 đồng
- 7 Bằng chữ: Sáu trăm tám mươi chín triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi một

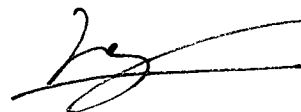
Phân diễn giải:

- 8 Đặc điểm tài sản:
- | | |
|-----------------------|--------------|
| Tình trạng: | Đang sử dụng |
| Thời gian đã sử dụng: | 2 năm |
- 9 Tính nguyên giá đánh giá lại: Tính bằng nguyên giá theo sổ sách kế toán
- 10 Tính giá trị còn lại: Tính theo sổ sách kế toán

**Công ty Quản lý vận hành điện
chiếu sáng công cộng Đà Nẵng**


Phan Kim Thoi

**Công ty Cổ phần Thẩm định giá
và Dịch vụ tài chính Đà Nẵng
Chuyên viên**



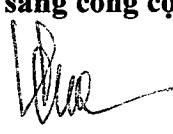
Nguyễn Thanh Long

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TẠI SẢN

Thời điểm: 24h00 ngày 31/12/2017

- 1 Tên tài sản: **Nhà làm việc CN 3 Công ty quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng (giai đoạn 1)**
- 2 Thời gian đưa vào sử dụng: 2016 (Phê duyệt quyết toán ngày 20/01/2017)
- 3 Giá trị theo sổ sách kế toán:
- Nguyên giá: 2.939.278.000 đồng
- Hao mòn lũy kế: 196.049.843 đồng
- Giá trị còn lại: 2.743.228.157 đồng
- 4 Nguyên giá đánh giá lại = 2.939.278.000 đồng
- 5 Tỷ lệ chất lượng còn lại (CLCL): 93%
- 6 Giá trị còn lại của tài sản = 2.743.228.157 đồng
- 7 Bằng chữ: Hai tỷ, bảy trăm bốn mươi ba triệu, hai trăm hai mươi tám nghìn, một trăm năm mươi bảy đồng
- Phần diễn giải:**
- 8 Đặc điểm tài sản:
- Nhà làm việc: Móng BTCT, mái đúc, tường xây gạch, nền lát gạch ceramic, cửa nhôm kính. Trang thiết bị hoàn thiện loại khá. Diện tích xây dựng 235 m²
 - Tường rào, cổng ngõ: Xây gạch.
- Tình trạng: Đang sử dụng
- Thời gian đã sử dụng: 1 năm
- 9 Tính nguyên giá đánh giá lại: Tính bằng nguyên giá theo sổ sách kế toán
- 10 Tính giá trị còn lại: Tính theo sổ sách kế toán

Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng


Đoàn Thị Kim Thoa

**Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ tài chính Đà Nẵng
Chuyên viên**


Nguyễn Thanh Long

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TÀI SẢN

Thời điểm: 24h00 ngày 31/12/2017

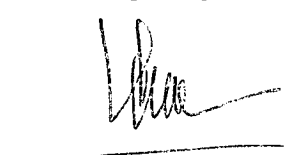
- Nhà làm việc CN 3 Công ty quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng (giai đoạn 2)**
- Tên tài sản:
 - Thời gian đưa vào sử dụng: 2017 (Phê duyệt quyết toán ngày 29/12/2017)
 - Giá trị theo sổ sách kế toán:
Nguyên giá: 452.402.000 đồng
Hao mòn lũy kế: 30.175.213 đồng
Giá trị còn lại: 422.226.787 đồng
 - Nguyên giá đánh giá lại = 452.402.000 đồng
 - Tỷ lệ chất lượng còn lại (CLCL): 93%
 - Giá trị còn lại của tài sản = 422.226.787 đồng
 - Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi hai triệu, hai trăm hai mươi sáu nghìn, bảy trăm tám mươi bảy đồng.


Phân diễn giải:

- Đặc điểm tài sản:
Tình trạng: Đang sử dụng
Thời gian đã sử dụng: Dưới 1 năm
- Tính nguyên giá đánh giá lại: Tính bằng nguyên giá theo sổ sách kế toán
- Tính giá trị còn lại: Tính theo sổ sách kế toán

Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng

Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ tài chính Đà Nẵng
Chuyên viên


Đoàn Phú Kim Thảo


Nguyễn Thanh Long


Nguyễn Thanh Long

**BẢNG THỐNG KÊ KHẢO SÁT ĐƠN GIÁ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
NHÀ Ở TRÊN THỊ TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

ĐVT: 1000 đồng

	Đơn giá xây dựng Công ty Kiến Vĩnh Thành	Công ty Không gian đẹp	Cty TNHH Viken
Đơn giá xây dựng gói hoàn thiện bình dân	4.000 – 4.500	4.200-4.500	4.000-4.500
Đơn giá xây dựng gói hoàn thiện khá	4.500-4.800	4.500-5.000	4.500-5.000
Đơn giá xây dựng gói hoàn thiện cao cấp	5.000-5.500	5.000-5.500	5.000-5.500

**BẢNG THỐNG KÊ KHẢO SÁT ĐƠN GIÁ XÂY DỰNG
THI CÔNG NHÀ XƯỞNG THỊ TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

ĐVT: 1000 đồng

	Công ty Xây dựng Thanh Niên	Công ty Xây dựng Minh Thịnh	Công ty Tư vấn thiết kế Xây dựng Sai gon House
Đơn giá áp dụng cho Nhà xưởng, nhà kho đơn giản dưới 1500m ²	1.400-1.700	1.350-1.550	1.300-1.500
Đơn giá áp dụng cho nhà xưởng thép tiền chế	1.800-2.400	1.600-2.500	1.600-2500
Đơn giá áp dụng cho nhà xưởng bê tông cốt thép	2.500-3.500	2.500-3000	
Đơn giá xây tường rào xây gạch (tường dày 100mm, cao 2400mm)		1.650.000	1.650

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KIỂM KÊ HIỆN TRẠNG CỦA MÁY MÓC THIẾT BỊ VÀ
PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI TẠI CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN
CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÀ NẴNG, THỜI ĐIỂM / /2017**

Hôm nay, ngày ... tháng năm, chúng tôi tiến hành lập biên bản hiện trạng, thành phần gồm có:

Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ Tài chính Đà Nẵng

- | | | |
|--------------|---------------------|-------------------------|
| 1. Ông (bà): | Dương Thị Mỹ Lạng | Chức vụ: Giám đốc |
| 2. Ông (bà): | Phan Nguyễn Linh Đa | Chức vụ: Kế toán trưởng |
| 3. Ông (bà): | Nguyễn Đình Thành | Chức vụ: Chuyên viên |

Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng

- | | | |
|--------------|-------------------|---------------------------------|
| 1. Ông (bà): | Nguyễn Đình Hùng | Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách |
| 2. Ông (bà): | Đoàn Thị Kim Thoa | Chức vụ: Phụ trách kế toán |
| 3. Ông (bà): | Vũ Quốc Huy | Chức vụ: |

Các bên thống nhất kết quả đánh giá chất lượng còn lại của tài sản là nhà cửa vật kiến trúc như sau:

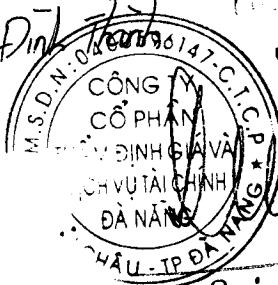
STT	Tài sản	Thời gian đưa vào sử dụng
	Phương tiện vận tải	
1	Xe ô tô 07 chỗ hiệu Nissan Grand Livina 1.8L (AT)	2013
2	Xe tải 9,4 tấn gắn cầu 3,2 tấn có lắp giỏ nâng	2012
3	Xe ô tô tải cầu Mitsubishi Canter FE 35/F45-Cau 3,5T	2005
4	Xe ô tô chuyên dùng hiệu KIA K3000S	2015
5	Xe cầu, rổ, tải Mercedes (Nam)	1998
6	Xe rổ, tải KIA E3500	2000

Biên bản thống nhất cùng ngày, hai bên cùng thống nhất ký tên./.

**Đại diện Công ty Cổ phần
Thẩm định giá và Dịch vụ
Tài Chính Đà Nẵng**

**Đại diện Công ty Quản lý vận hành
Điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng**

Nguyễn Đình Thành



GIÁM ĐỐC

Dương Thị Mỹ Lạng

Đoàn Thị Kim Thoa



**P. GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH
Nguyễn Đình Hùng**

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TÀI SẢN

Thời điểm: 24h00 ngày 31/12/2017

Mục 1
Phụ lục 5c

MÃ TÀI SẢN:

Xe NISSAN

- 1 Tên máy móc thiết bị: Xe ô tô 07 chỗ hiệu Nissan Grand
Livina 1.8L (AT)
BKS 43A-070.59
- Nhãn hiệu Nissan Grand
- 2 Thông số kỹ thuật
- Loại xe Ô tô con
- Năm sản xuất 2013
- 3 Năm sản xuất: 2013
- 4 Giá trị theo sổ sách kế toán:
Nguyên giá: 663.815.454 đ
Hao mòn lũy kế: 287.664.422 đ
Giá trị còn lại: 376.151.032 đ
- 5 Nguyên giá mới tương đương: 600.000.000 đ
- 6 Hiện trạng: Xe vẫn hoạt động bình thường
Thời gian đã sử dụng 5 năm
Thời gian khấu hao theo khung
thời gian sử dụng ban hành theo
TT 45 -BTC: 25 Năm
- 7 Tỷ lệ chất lượng còn lại (CLCL):
Tỷ lệ CLCL theo phương pháp
TT 45-BTC: $= 100\% - \frac{5}{25} \cdot 100\% = 80\%$
Tỷ lệ CLCL theo phương pháp
kỹ thuật: 68%
Vậy tỷ lệ GTCL là: 68%
- 8 Giá trị còn lại của tài sản 408.000.000 đ
- 9 Bằng chữ:

**Công ty quản lý vận hành điện
chiếu sáng công cộng Đà Nẵng**

**Công ty Cổ phần Thẩm định giá
và Dịch vụ Tài chính Đà Nẵng**

Chuyên viên

Nguyễn Đình Thành
Nguyễn Đình Thành

Nguyễn Đình Thành
Nguyễn Đình Thành

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CÒN LẠI

Thời điểm: 24h ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục 5C, stt 1

1	Tên máy móc thiết bị:	Xe ô tô 07 chỗ hiệu Nissan Grand Livina 1.8L (AT)			
2	Đặc điểm kỹ thuật:	- Nhãn hiệu Nissan Grand - BKS 43A-070.59 - Loại xe Ô tô con - Năm sản xuất 2013			
3	Năm sản xuất:	2013			
4	Thời gian đưa vào sử dụng:	2013			
5	Đánh giá tỷ lệ chất lượng còn lại				
TT	Kết cấu của xe	Hiện trạng kết cấu	Tỷ trọng kết cấu (%)	CLCL kết cấu (%)	Số gia quyền
a	Động cơ	Động cơ nổ có tiếng gõ nhẹ của nhóm pít tông thanh truyền, đầy đủ thiết bị phụ.	38.20%	68%	26%
b	Hộp số	Đủ mọi chi tiết, có cháy dầu	8.40%	68%	6%
c	Trục trước	Máy ơ phải điều chỉnh, nhíp có lá xô lệch	7%	68%	5%
d	Cầu chủ động	Máy ơ phải điều chỉnh, nhíp có lá xô lệch, bánh răng truyền động có tiếng gõ	15.30%	68%	10%
e	Hệ thống lái	Hộp tay lái dơ vô lăng nhẹ	4.20%	68%	3%
f	Thân vỏ	Một số chỗ trầy xước, móp méo do va quệt	15.80%	68%	11%
g	Lốp	Hoa lốp mòn hết 1/3 chiều cao	11.10%	68%	8%
		Tổng cộng	100%		68%
		Chất lượng còn lại của tài sản		68%	

CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN
CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÀ NẰNG

(Handwritten signature)
Trần Quốc Trung

CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ
VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH ĐÀ NẰNG

(Handwritten signature)
Nguyễn Đình Thanh

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TÀI SẢN

Thời điểm: 24h00 ngày 31/12/2017

Mục 2
Phụ lục 5c

MÃ TÀI SẢN:

Xe HINO

1 Tên máy móc thiết bị:

Xe tải Hino 9,4 tấn gắn cầu 3,2
tấn có lắp gió nâng.

BKS 43C-043.24

- Giấy đăng kí xe ô tô số 010304

- Loại phương tiện Ô tô tải (có cần cầu)

- Nhãn hiệu HINO

2 Thông số kỹ thuật

- Số loại FG8JPSBTL94CK327TLCC

- Số khung RNJFG8JPSCXX13105

- Số máy J08E-UG12643

- Năm sản xuất 2012, Việt Nam

3 Năm sản xuất:

2012

4 Giá trị theo sổ sách kế toán:

Nguyên giá:

2.516.484.000 đ

Hao mòn lũy kế:

1.342.166.741 đ

Giá trị còn lại:

1.174.317.259 đ

5 Nguyên giá mới tương đương:

2.516.484.000 đ

6 Hiện trạng:

Xe hoạt động bình thường

Thời gian đã sử dụng

6 năm

Thời gian khấu hao theo khung thời
gian sử dụng ban hành theo TT 45 -

BTC:

25 Năm

7 Tỷ lệ chất lượng còn lại (CLCL):

Tỷ lệ CLCL theo phương pháp TT
45-BTC:

$$= 100\% - \frac{6}{25} \cdot 100\% = 76\%$$

Tỷ lệ CLCL theo phương pháp kỹ thuật

63%

Vậy tỷ lệ GTCL là:

63%

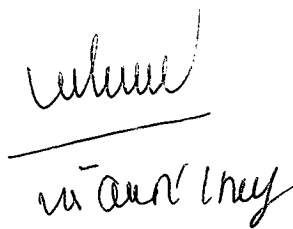
8 Giá trị còn lại của tài sản

1.585.384.920 đ

9 Bảng chữ:

Công ty quản lý vận hành điện
chiếu sáng công cộng Đà Nẵng

Công ty Cổ phần Thẩm định giá
và Dịch vụ Tài chính Đà Nẵng
Chuyên viên


Nguyễn Đình Thành


Nguyễn Đình Thành

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CÒN LẠI

Thời điểm: 24h ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục 5C, stt 2

1	Tên máy móc thiết bị:	Xe tải 9,4 tấn gắn cầu 3,2 tấn có lắp giỏ nâng			
2	Đặc điểm kỹ thuật:	Xe tải Hino 9,4 tấn gắn cầu 3,2 tấn có lắp giỏ nâng.			
3	Năm sản xuất:	2012			
4	Thời gian đưa vào sử dụng:	2012			
5	Đánh giá tỷ lệ chất lượng còn lại				
TT	Kết cấu của xe	Hiện trạng kết cấu	Tỷ trọng kết cấu (%)	CLCL kết cấu (%)	Số gia quyền
a	Động cơ	Động cơ nổ có tiếng gõ nhẹ của nhóm pít tông thanh truyền, đầy đủ thiết bị phụ.	38.20%	63%	24%
b	Hộp số	Đủ mọi chi tiết, có chảy dầu	8.40%	63%	5%
c	Trục trước	Máy ơ phải điều chỉnh, nhíp có lá xô lệch	7%	63%	4%
d	Cầu chủ động	Máy ơ phải điều chỉnh, nhíp có lá xô lệch, bánh răng truyền động có tiếng gõ	15.30%	63%	10%
e	Hệ thống lái	Hộp tay lái đơn vô lăng nhẹ	4.20%	63%	3%
f	Thân vỏ	Một số chỗ trầy xước, mốp méo do va quệt	15.80%	63%	10%
g	Lốp	Hoa lốp mòn hết 1/3 chiều cao	11.10%	63%	7%
		Tổng cộng	100%		63%
		Chất lượng còn lại của tài sản		63%	

CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN
CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÀ NẰNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ
VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH ĐÀ NẰNG

Nguyễn Đình Thành
Nguyễn Đình Thành

Nguyễn Đình Thành
Nguyễn Đình Thành

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TÀI SẢN

Thời điểm: 24h00 ngày 31/12/2017

Mục 3

Phụ lục 5c

MÃ TÀI SẢN:

Xe MITSUBISHI

1 Tên máy móc thiết bị:

Xe ô tô tải cầu Mitsubishi Canter
FE 35/F45-Cau 3,5T.

2 Thông số kỹ thuật

BKS 43H-5794
- Giấy đăng kí xe ô tô số 0000037
- Loại phương tiện Ô tô tải (có cần cầu)
- Nhãn hiệu Mitsubishi
- Số loại CANTER FE645E/CAU-F45
- Số khung RLAFE645E51000154
- Số máy 4D32-k29268
- Năm sản xuất 2005, Việt Nam

3 Năm sản xuất:

2005

4 Giá trị theo sổ sách kế toán:

Nguyên giá: 703.638.000 đ

Hao mòn lũy kế: 703.638.000 đ

Giá trị còn lại: 0 đ

5 Nguyên giá mới tương đương:

550.000.000 đ

6 Hiện trạng:

Xe hoạt động bình thường, xe đã cũ, hoạt động nhiều.

Thời gian đã sử dụng

13 năm

Thời gian khấu hao theo khung thời
gian sử dụng ban hành theo TT 45 -
BTC:

25 Năm

7 Tỷ lệ chất lượng còn lại (CLCL):

Tỷ lệ CLCL theo phương pháp TT
45-BTC:

$$= 100\% - \frac{13}{25} \cdot 100\% = 48\%$$

Tỷ lệ CLCL theo phương pháp kỹ thuật

38%

Vậy tỷ lệ GTCL là:

38%

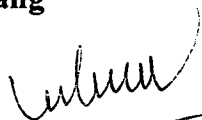
8 Giá trị còn lại của tài sản

209.000.000 đ

9 Bằng chữ:

Công ty quản lý vận hành điện
chiếu sáng công cộng Đà Nẵng

Công ty Cổ phần Thẩm định giá
và Dịch vụ Tài chính Đà Nẵng
Chuyên viên



Nguyễn Đình Thành



Nguyễn Đình Thành

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CÒN LẠI

Thời điểm: 24h ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục 5C, stt 3

1	Tên máy móc thiết bị:	Xe ô tô tải cầu Mitsubishi Canter FE 35/F45-Cau 3,5T.			
2	Đặc điểm kỹ thuật:	- Giấy đăng kí xe ô tô số 0000037			
3	Năm sản xuất:	2005			
4	Thời gian đưa vào sử dụng:	2005			
5	Đánh giá tỷ lệ chất lượng còn lại				
TT	Kết cấu của xe	Hiện trạng kết cấu	Tỷ trọng kết cấu (%)	CLCL kết cấu (%)	Số gia quyền
a	Động cơ	Động cơ nổ có tiếng gõ lớn của nhóm pít tông thanh truyền	38.20%	38%	15%
b	Hộp số	Đủ mọi chi tiết, có chảy dầu, các đăng dơ	8.40%	38%	3%
c	Trục trước	Máy ơ phải điều chỉnh, nhíp có lá xô lệch	7%	38%	3%
d	Cầu chủ động	Máy ơ phải điều chỉnh, nhíp có lá xô lệch, bánh răng truyền động có tiếng gõ lớn	15.30%	38%	6%
e	Hệ thống lái	Hộp tay lái dơ vô lăng lớn	4.20%	38%	2%
f	Thân vỏ	Một số chỗ rỉ sét, trầy xước, móp méo do va quệt	15.80%	38%	6%
g	Lốp	Lốp bị chém, hoa lốp mòn > 1/3 chiều cao	11.10%	38%	4%
Tổng cộng			100%		38%
Chất lượng còn lại của tài sản				38%	

CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN
CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÀ NẰNG

Nguyễn Văn Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ
VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH ĐÀ NẰNG

Nguyễn Đình Thành

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TÀI SẢN

Thời điểm: 24h00 ngày 31/12/2017

Mục 4

Phụ lục 5c

MÃ TÀI SẢN:

Xe KIA K3000S

1 Tên máy móc thiết bị:

Xe ô tô chuyên dùng hiệu

KIA K3000S

BKS43C-080.84

- Giấy đăng kí xe ô tô số 008112

- Loại phương tiện Ô tô tải (có cần cầu)

- Nhãn hiệu KIA

2 Thông số kỹ thuật

- Số loại K3000S

- Số khung RNHKCB27TEC935536

- Số máy JT-663551

- Năm sản xuất 2014, Việt Nam

3 Năm sản xuất:

2014

4 Giá trị theo sổ sách kế toán:

Nguyên giá:

1.210.565.000 đ

Hao mòn lũy kế:

201.861.716 đ

Giá trị còn lại:

1.008.703.284 đ

5 Nguyên giá mới tương đương:

1.210.565.000 đ

6 Hiện trạng:

Xe hoạt động bình thường.

Thời gian đã sử dụng

4 năm

Thời gian khấu hao theo khung thời gian sử dụng ban hành theo TT 45 -

BTC:

25 Năm

7 Tỷ lệ chất lượng còn lại (CLCL):

Tỷ lệ CLCL theo phương pháp TT 45-BTC:

$$= 100\% - \frac{4}{25} 100\% = 84\%$$

Tỷ lệ CLCL theo phương pháp kỹ

thuật:

78%

Vậy tỷ lệ GTCL là:

78%

8 Giá trị còn lại của tài sản tính bằng giá trị còn lại theo sổ sách kế toán: 944.240.700 đ

9 Bằng chữ:

Công ty quản lý vận hành điện
chiếu sáng công cộng Đà Nẵng

Công ty Cổ phần Thẩm định giá
và Dịch vụ Tài chính Đà Nẵng

Chuyên viên

Nguyễn Đình Thành

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CÒN LẠI

Thời điểm: 24h ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục 5C, stt 4

1	Tên máy móc thiết bị:	Xe ô tô chuyên dùng hiệu KIA K3000S			
2	Đặc điểm kỹ thuật:	- Giấy đăng kí xe ô tô số 008112			
3	Năm sản xuất:	2014			
4	Thời gian đưa vào sử dụng:	2015			
5	Đánh giá tỷ lệ chất lượng còn lại				
TT	Kết cấu của xe	Hiện trạng kết cấu	Tỷ trọng kết cấu (%)	CLCL kết cấu (%)	Số gia quyền
a	Động cơ	Động cơ nổ có tiếng gõ nhẹ của nhóm pít tông thanh truyền, đầy đủ thiết bị phụ.	38.20%	78%	30%
b	Hộp số	Đủ mọi chi tiết, có cháy dầu	8.40%	78%	7%
c	Trục trước	Máy ơ phải điều chỉnh, nhíp có lá xô lệch	7%	78%	5%
d	Cầu chủ động	Máy ơ phải điều chỉnh, nhíp có lá xô lệch, bánh răng truyền động có tiếng gõ	15.30%	78%	12%
e	Hệ thống lái	Hộp tay lái dơ vô lăng nhẹ	4.20%	78%	3%
f	Thân vỏ	Một số chỗ trầy xước, mốp méo do va quệt	15.80%	78%	12%
g	Lốp	Hoa lốp mòn hết 1/3 chiều cao	11.10%	78%	9%
Tổng cộng			100%		78%
Chất lượng còn lại của tài sản				78%	

CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN
CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÀ NẰNG

Handwritten signature
Nguyễn Đình Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ
VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH ĐÀ NẰNG

Handwritten signature
Nguyễn Đình Thành

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TÀI SẢN

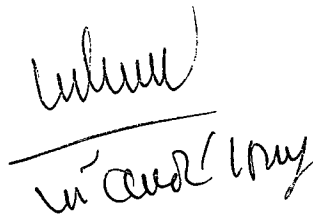
Thời điểm: 24h00 ngày 31/12/2017

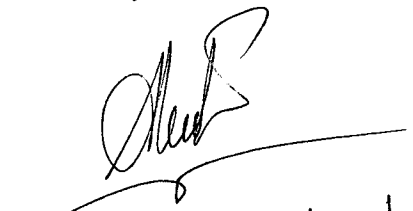
Mục 5
Phụ lục 5c

- MÃ TÀI SẢN:** **Xe Mercedes**
- 1 Tên máy móc thiết bị: Xe cầu, rổ, tải Mercedes
BKS 43K-6694
- Giấy đăng kí xe ô tô số 0003072
- Loại phương tiện Ô tô tải (có cần cầu)
- Nhãn hiệu Mercedes-benz
- 2 Thông số kỹ thuật
- Số loại M700/32
- Số khung MHL68404052002449
- Số máy 38490660247835
- Năm sản xuất 1997, Việt Nam
- 3 Năm sản xuất: 1997
- 4 Giá trị theo sổ sách kế toán:
Nguyên giá: 0 đ
Hao mòn lũy kế: 0 đ
Giá trị còn lại: 0 đ
- 5 Nguyên giá mới tương đương: 468.750.000 đ
- 6 Hiện trạng: Xe hoạt động bình thường, xe đã cũ, hoạt động nhiều.
Thời gian đã sử dụng 21 năm
Thời gian khấu hao theo khung thời gian sử dụng ban hành theo TT 45 - BTC: 25 Năm
- 7 Tỷ lệ chất lượng còn lại (CLCL):
Tỷ lệ CLCL theo phương pháp TT 45-BTC: $=100\% - \frac{21}{25} 100\% = 16\%$
Tỷ lệ CLCL theo phương pháp kỹ thuật: 30%
Vậy tỷ lệ GTCL là: 30%
- 8 Giá trị còn lại của tài sản: 140.625.000 đ
- 9 Bảng chữ:

Công ty quản lý vận hành điện
chiếu sáng công cộng Đà Nẵng

Công ty Cổ phần Thẩm định giá
và Dịch vụ Tài chính Đà Nẵng
Chuyên viên




Nguyễn Đình Thành

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CÒN LẠI

Thời điểm: 24h ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục 5C, stt 5

1	Tên máy móc thiết bị:	Xe cầu, rô, tải Mercedes			
2	Đặc điểm kỹ thuật:	- Giấy đăng kí xe ô tô số 0003072			
3	Năm sản xuất:	1997			
4	Thời gian đưa vào sử dụng:	1998			
5	Đánh giá tỷ lệ chất lượng còn lại				
TT	Kết cấu của xe	Hiện trạng kết cấu	Tỷ trọng kết cấu (%)	CLCL kết cấu (%)	Số gia quyền
a	Động cơ	Động cơ nỏ có tiếng gõ lớn của nhóm pít tông thanh truyền	38.20%	30%	11%
b	Hộp số	Đủ mọi chi tiết, có cháy dầu, các đăng dơ	8.40%	30%	3%
c	Trục trước	Máy ơ phải điều chỉnh, nhíp có lá xô lệch	7%	30%	2%
d	Cầu chủ động	Máy ơ phải điều chỉnh, nhíp có lá xô lệch, bánh răng truyền động có tiếng gõ lớn	15.30%	30%	5%
e	Hệ thống lái	Hộp tay lái dơ vô lăng lớn	4.20%	30%	1%
f	Thân vỏ	Một số chỗ rỉ sét, trầy xước, móp méo do va quệt	15.80%	30%	5%
g	Lốp	Lốp bị chém, hoa lốp mòn > 1/3 chiều cao	11.10%	30%	3%
Tổng cộng			100%		30%
Chất lượng còn lại của tài sản				30%	

CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN
CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÀ NẰNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ
VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH ĐÀ NẰNG

Handwritten signature
M. Cao Thị Huyền

Handwritten signature
Nguyễn Đình Thanh

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TÀI SẢN

Thời điểm: 24h00 ngày 31/12/2017

Mục 6

Phụ lục 5c

MÃ TÀI SẢN:

Xe KIA E3500

1 Tên máy móc thiết bị:

Xe rô, tải KIA E3500

BKS 43K-7981

- Giấy đăng kí xe ô tô số 0005848

- Loại phương tiện Ô tô tải (có cần cầu)

- Nhãn hiệu KIA

2 Thông số kỹ thuật

- Số loại TITAN

- Số khung KN4JAX4R2LK372367

- Số máy SL106061

- Năm sản xuất 1990, Việt Nam

3 Năm sản xuất:

1990

4 Giá trị theo sổ sách kế toán:

Nguyên giá:

0 đ

Hao mòn lũy kế:

0 đ

Giá trị còn lại:

0 đ

5 Nguyên giá mới tương đương:

257.142.857 đ

6 Hiện trạng:

Xe hoạt động bình thường, xe đã cũ, hoạt động nhiều.

Thời gian đã sử dụng

28 năm

Thời gian khấu hao theo khung thời gian sử dụng ban hành theo TT 45 -

BTC:

25 Năm

7 Tỷ lệ chất lượng còn lại (CLCL):

Tỷ lệ CLCL theo phương pháp TT 45 - BTC:

Tỷ lệ CLCL theo phương pháp kỹ thuật

33%

Vậy tỷ lệ GTCL là:

33%


8 Giá trị còn lại của tài sản


84.857.143 đ

9 Bằng chữ:

Công ty quản lý vận hành điện
chiếu sáng công cộng Đà Nẵng

Công ty Cổ phần Thẩm định giá
và Dịch vụ Tài chính Đà Nẵng
Chuyên viên


Nguyễn Đình Thành


Nguyễn Đình Thành

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CÒN LẠI

Thời điểm: 24h ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục 5C, stt 6

1	Tên máy móc thiết bị:	Xe rô, tải KIA E3500			
2	Đặc điểm kỹ thuật:	- Giấy đăng kí xe ô tô số 0005848			
3	Năm sản xuất:	1990			
4	Thời gian đưa vào sử dụng:	2000			
5	Đánh giá tỷ lệ chất lượng còn lại				
TT	Kết cấu của xe	Hiện trạng kết cấu	Tỷ trọng kết cấu (%)	CLCL kết cấu (%)	Số gia quyền
a	Động cơ	Động cơ nổ có tiếng gõ lớn của nhóm pít tông thanh truyền	38.20%	33%	13%
b	Hộp số	Đủ mọi chi tiết, có chảy dầu, các đăng dơ	8.40%	33%	3%
c	Trục trước	Máy ơ phải điều chỉnh, nhíp có lá xô lệch	7%	33%	2%
d	Cầu chủ động	Máy ơ phải điều chỉnh, nhíp có lá xô lệch, bánh răng truyền động có tiếng gõ lớn	15.30%	33%	5%
e	Hệ thống lái	Hộp tay lái dơ vô lăng lớn	4.20%	33%	1%
f	Thân vỏ	Một số chỗ rỉ sét, trầy xước, móp méo do va quệt	15.80%	33%	5%
g	Lốp	Lốp bị chém, hoa lốp mòn > 1/3 chiều cao	11.10%	33%	4%
		Tổng cộng	100%		33%
		Chất lượng còn lại của tài sản		33%	

CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN
CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÀ NẰNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ
VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH ĐÀ NẰNG

Wu Quoc Huy

Nguyễn Đình Thành